



KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS NĂM 2019
(Theo Thông báo số: 2010/TB-UBND ngày 21/11/2019 của UBND huyện)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đội tương ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<i>Phòng phỏng vấn 01</i>												
1	Hoàng Thị Vân	26/8/1986	DH	SP Mẫu giáo	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 01	98.0		98.0	X
2	Lê Thị	08/02/1988	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 02	98.0		98.0	X
3	Đoàn Thị	04/07/1995	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 03	80.0		80.0	
4	Đỗ Thị	25/5/1993	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 04	80.0		80.0	
5	Nguyễn Thị Ngọc	01/6/1997	CB	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 05	65		65	
6	Trương Thị Thùy	27/4/1996	TC	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 06	Bỏ thí			
7	Nguyễn Văn	06/4/1981	TC	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 07	80		80	X
8	Nguyễn Thị Phương	02/10/1996	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 08	70.0		70.0	
9	Trần Thị Thùy	22/01/1996	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 09	75.0		75.0	
10	Lê Thị	15/4/1997	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 10	95.0		95.0	X
11	Nguyễn Thị Mỹ	30/9/1995	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 11	95.0		95.0	X
12	Mai Thị Khánh	17/10/1994	TC	Sư phạm Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 12	70		70	
13	Nguyễn Thị Hương	10/8/1993	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 13	95.0		95.0	X
14	Nguyễn Thị Trà	18/08/1995	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 14	70.0		70.0	
15	Trần Thị	10/6/1986	TC	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 15	75		75	
16	Bùi Thị	10/9/1993	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 16	80.0		80.0	
17	Trần Thu	28/10/1997	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 17	75.0		75.0	
18	Dương Thị Thu	02/10/1992	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 18	98.0		98.0	X
19	Trần Thị	19/11/1983	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 19	80.0		80.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đội tuyển ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
20	Võ Thị Hồng	13/3/1994	DH	Sư phạm Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 20	Bỏ thi			
<i>Phòng phỏng vấn 02</i>												
1	Nguyễn Thị Hằng	08/08/1995	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 21	Bỏ thi			
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	24/5/1992	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 22	98.0		98.0	X
3	Nguyễn Thị Hằng	18/08/1987	CD	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 23	70		70	
4	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	17/4/1995	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 24	70.0		70.0	
5	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	10/8/1995	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 25	Bỏ thi			
6	Trần Thị Mỹ Hạnh	30/12/1995	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 26	75.0		75.0	
7	Hồ Thị Thu Hằng	22/1/1988	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1	Con TB	XTMN 27	98.0	5.0	103.0	X
8	Nguyễn Thị Hằng	12/08/1992	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 28	75.0		75.0	
9	Đinh Thị Hằng	15/05/1995	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 29	75.0		75.0	
10	Phạm Thị Hằng	02/1/1987	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 30	99.0		99.0	X
11	Hồ Thị Thu Hằng	05/9/1994	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 31	99.0		99.0	X
12	Nguyễn Thị Hằng	01/6/1995	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1	Con TB	XTMN 32	60.0	5.0	65.0	
13	Trần Thị Hằng	10/5/1995	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 33	60.0		60.0	
14	Trần Thị Hằng	08/6/1997	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 34	Bỏ thi			
15	Võ Thị Hằng	02/9/1988	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1	Con BB	XTMN 35	Bỏ thi			
16	Trần Thị Khánh Hòa	20/6/1994	DH	Sư phạm Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 36	Bỏ thi			
17	Hoàng Thị Hòa	02/9/1994	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 37	98.0		98.0	X
18	Cao Thị Hòa	28/1/1988	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 38	60.0		60.0	
19	Hồ Thị Hòa	06/01/1992	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 39	97.0		97.0	X
20	Mai Thị Thu Hòa	22/1/1980	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 40	98.0		98.0	X
<i>Phòng phỏng vấn 03</i>												
1	Lê Thu Hoài	15/8/1992	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 41	70.0		70.0	
2	Đinh Thị Kim Hằng	02/03/1994	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 42	70.0		70.0	
3	Hà Thị Ngọc Hằng	01/09/1996	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 43	99.0		99.0	X
4	Lê Thị Minh Huệ	11/4/1989	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 44	90.0		90.0	
5	Nguyễn Thị Cẩm Huệ	12/02/1988	DH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 45	95.0		95.0	X

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đang ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đội tuyển ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (T2=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
6	Lê Thị	02/9/1981	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1	Con TB	XTMN 46	96.0	5.0	101.0	X
7	Nguyễn Thị Lan	27/11/1994	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 47	97.0		97.0	X
8	Lê Thị	09/4/1995	TC	Sư phạm Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1	Danh tộc Sách	XTMN 48	75		75	
9	Cao Thị Hồng	01/4/1993	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 49	Bỏ thi			
10	Cao Thị	20/11/1990	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 50	94.0		94.0	X
11	Võ Thị Việt	04/11/1995	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 51	98.0		98.0	X
12	Nguyễn Thị	23/03/1994	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 52	Bỏ thi			
13	Dương Thị Hồng	10/08/1996	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 53	79.0		79.0	
14	Nguyễn Thị	20/04/1995	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 54	96.0		96.0	X
15	Nguyễn Thị Diệu	09/07/1993	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 55	75.0		75.0	
16	Nguyễn Thị	10/7/1993	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 56	96.0		96.0	X
17	Lê Thị	17/4/1992	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1	Con NHHĐTKN	XTMN 57	79.0	5.0	79.0	
18	Lê Thị	10/6/1981	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 58	95.0		100.0	X
19	Hồng Thị Thanh	06/7/1992	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 59	97.5		97.5	X
20	Nguyễn Thị Cẩm	11/8/1995	TC	SP Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 60	Bỏ thi			
	<i>Phòng phỏng vấn 04</i>											
1	Nguyễn Thị Tuyết	16/3/1996	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 61	70.0		70.0	
2	Nguyễn Thị	16/6/1993	CB	Sư phạm Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 62	Bỏ thi			
3	Nguyễn Thị Huyền	17/10/1994	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 63	Bỏ thi			
4	Cao Thị Hồng	08/7/1996	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1	Người DTTS	XTMN 64	56.0	5.0	61.0	
5	Phan Thị	06/7/1992	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 65	91.0		91.0	X
6	Trương Thị Hằng	10/11/1994	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 66	51.5		51.5	
7	Dương Thị	20/2/1993	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 67	91.0		91.0	X
8	Biền Thị	14/5/1992	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 68	Bỏ thi			
9	Trần Thị Kim	06/06/1995	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 69	65.0		65.0	
10	Nguyễn Thị Hồng	22/12/1993	TC	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 70	67		67	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
11	Hoàng Thị Nguyệt	28/8/1996	CB	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 71	60		60	
12	Trần Thị Nguyệt	12/01/1983	CB	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1	Con TB	XTMN 72	92	5,0	97	
13	Trần Thị Nam Nhi	25/01/1997	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 73	50,0		50,0	
14	Tương Thị Nhi	25/8/1995	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 74	Bỏ thí			
15	Phan Thị Hà Nhi	20/02/1999	TC	SP Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 75	58		58	
16	Đặng Thị Quỳnh Như	18/4/1997	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 76	50,0		50,0	
17	Võ Thị Thùy Nhung	22/8/1995	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 77	80,0		80,0	
18	Nguyễn Thị Nhung	10/01/1993	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 78	60,0		60,0	
19	Phan Thị Thủy Nhung	09/8/1988	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 79	62,0		62,0	
20	Trần Thị Mỹ Nhung	06/6/1995	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 80	81,0		81,0	
	<i>Phân phòng văn 05</i>											
1	Lê Thị Mỹ Nhung	29/09/1991	CB	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 81	81		81	
2	Nguyễn Thị Oanh	30/01/1986	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 82	91,0		91,0	
3	Lê Thị Kiều Oanh	24/6/1995	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1	Con TB	XTMN 83	82,0	5,0	87,0	
4	Nguyễn Thị Oanh	11/12/1996	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 84	75,0		75,0	
5	Lê Thị Nhã Phương	10/12/1993	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 85	80,0		80,0	
6	Lê Thị Thùy Phương	23/1/1997	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 86	92,0		92,0	X
7	Lê Thị Hòai Phương	07/7/1996	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 87	Bỏ thí			
8	Trần Thị Hà Phương	30/08/1994	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 88	75,0		75,0	
9	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10/4/1995	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 89	92,0		92,0	X
10	Hoàng Thị Thanh Tâm	29/10/1995	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 90	92,0		92,0	X
11	Lê Hồng Tâm	12/10/1995	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 91	75,0		75,0	
12	Mai Thị Hồng Thanh	06/6/1994	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 92	92,0		92,0	X
13	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	22/9/1997	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 93	92,0		92,0	X
14	Cao Thị Phương Thảo	2/9/1997	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 94	Bỏ thí			
15	Nguyễn Thị Thu Thảo	02/01/1994	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 95	75,0		75,0	
16	Đặng Thị Thảo	02/8/1995	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 96	80,0		80,0	
17	Bùi Thị Phương Thảo	13/01/1997	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 97	75,0		75,0	
18	Trương Thị Phương Thảo	06/02/1996	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 98	92,0		92,0	X

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đang ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng Điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
19	Nguyễn Thị Phương	Thảo	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 99	92.0		92.0	X
20	Cao Thị Kim	Thoa	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 100	75.0		75.0	
<i>Phòng phưong văn 06</i>												
1	Tương Thị	Thom	CD	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 101	75		75	
2	Nguyễn Thị	Thu	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 102	76.0		76.0	
3	Nguyễn Thị	Thu	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 103	Bỏ thí			
4	Nguyễn Thị Lê	Thúy	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 104	90.0		90.0	
5	Hoàng Thị	Thúy	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 105	70.0		70.0	
6	Phan Nguyễn Hoài	Tiền	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 106	95.0		95.0	X
7	Hoàng Thị Thủy	Tiền	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1	Con BB	XTMN 107	70.0	5.0	75.0	
8	Nguyễn Thị Thủy	Trang	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 108	Bỏ thí			
9	Võ Nữ Huyền	Trang	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 109	70.0		70.0	
10	Lê Mai	Trang	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 110	75.0		75.0	
11	Đinh Thị Hồng	Trang	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 111	60.0		60.0	
12	Lê Thị Huyền	Trình	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 112	Bỏ thí			
13	Hoàng Thị	Tuyển	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1	Con BB	XTMN 113	97.0	5.0	102.0	X
14	Trang Thị Thanh	Tuyển	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 114	93.0		93.0	X
15	Cao Thị Minh	Tuyển	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 115	70.0		70.0	
16	Nguyễn Thị Thùy	Vân	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 116	90.0		90.0	
17	Nguyễn Thị	Vị	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 117	97.0		97.0	X
18	Nguyễn Thị Hằng	Xuyến	BH	Sư phạm Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 118	97.0		97.0	X
19	Nguyễn Thị Hải	Yến	BH	Giáo dục Mầm non	Giáo viên Mầm non	MN1		XTMN 119	80.0		80.0	
<i>Phòng phưong văn 07</i>												
1	Nguyễn Thị Kim Anh	An	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 01	Bỏ thí			
2	Nguyễn Thị Lan	Anh	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 02	85.0		85.0	
3	Đinh Thị Lan	Anh	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 03	Bỏ thí			
4	Hà Thị Lan	Anh	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 04	85.0		85.0	
5	Đinh Thị Thu	Anh	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 05	Bỏ thí			

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
6	Trương Thị Anh	28/10/1995	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 06	65.0		65.0	
7	Võ Thị Bích	28/7/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 07	97.0		97.0	X
8	Đinh Thị Hồng	10/09/1992	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 08	Bỏ thi			
9	Trần Thị Kim	07/12/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 09	20.0		20.0	
10	Đinh Lệ Chi	07/11/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 10	55.0		55.0	
11	Trần Mạnh Cường	12/9/1996	CB	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 11	50.0		50.0	
12	Hoàng Quốc Cường	15/4/1996	CB	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 12	10.0		10.0	
13	Đinh Thị Bích Đào	15/8/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 13	0.0		0.0	
14	Cao Văn Diễm	20/4/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 14	75.0		75.0	
15	Nguyễn Thị Minh Diệp	20/05/1989	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 15	Bỏ thi			
16	Đinh Minh Tuấn	17/07/1983	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 16	84.0		84.0	
17	Cao Thị Kim Dung	21/12/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 17	80.0		80.0	
18	Phạm Trung Đình	07/4/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 18	97.0	5.0	97.0	X
19	Đinh Thị Tư Dung	20/4/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con BB	THGV 19	82.0		87.0	
20	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10/9/1992	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 20	79.0		79.0	
21	Hà Thị Mỹ Duyên	19/02/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 21	77.0		77.0	
	<i>Phòng không vẫn ở</i>											
1	Đặng Thị Gái	14/02/1995	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 22	Bỏ thi			
2	Nguyễn Thị Giang	12/6/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 23	92.0		92.0	X
3	Đinh Thị Hương	26/02/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 24	65.0		65.0	
4	Hoàng Thị Trà Giang	20/7/1988	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 25	75.0		75.0	
5	Cao Thị Giang	06/07/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con BB	THGV 26	75.0	5.0	80.0	
6	Trương Thị Trà Giang	01/10/1996	CB	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 27	71.0		71.0	
7	Đoàn Nguyễn Bảo Hà	29/9/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 28	60.0		60.0	
8	Nguyễn Mạnh Hà	09/10/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 29	75.0		75.0	
9	Đặng Thu Hà	12/12/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 30	79.0		79.0	
10	Cao Thị Thu Hà	15/02/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 31	76.0		76.0	
11	Trần Thị Thu Hà	10/6/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 32	65.0		65.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CMI	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đổi tương ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
12	Lê Thị Hà	24/9/1985	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 33	75.0		75.0	
13	Phạm Thị Ánh Hà	04/3/1998	CD	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 34	80.0		80.0	
14	Hà Thị Hằng	20/6/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 35	91.0		91.0	
15	Trương Lê Hằng	08/7/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 36	70.0		70.0	
16	Nguyễn Thị Hằng	08/11/1995	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 37	75.0		75.0	
17	Trần Thị Lệ Hằng	13/8/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 38	Bỏ thi			
18	Trần Thị Hằng	20/02/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 39	70.0		70.0	
19	Nguyễn Thị Diễm Hằng	13/11/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 40	98.0		98.0	X
20	Lê Thị Hằng	08/8/1996	CD	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 41	70.0		70.0	
21	Hà Thị Mỹ Hằng	22/5/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 42	73.0		73.0	
	<i>Phòng Phòng vấn 09</i>											
1	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	17/8/1989	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 43	98.0		98.0	X
2	Trần Thị Hồng Hạnh	15/11/1996	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con B	THGV 44	67.0	5.0	72.0	
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	25/4/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 45	67.0		67.0	
4	Hoàng Thị Thu Hiền	12/6/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 46	75.0		75.0	
5	Lê Thị Thu Hiền	08/3/1989	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 47	95.0		95.0	X
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/6/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 48	60.0		60.0	
7	Phạm Thị Thu Hiền	11/4/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 49	96.0		96.0	X
8	Nguyễn Thị Hiền	05/10/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 50	70.0		70.0	
9	Lê Thị Hiền	26/9/1991	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 51	70.0		70.0	
10	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/11/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 52	97.0		97.0	X
11	Phạm Thị Hiền	15/07/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 53	Bỏ thi			
12	Phạm Thị Hiền	11/9/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 54	66.0		66.0	
13	Phạm Thị Thanh Hòa	7/2/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 55	60.0		60.0	
14	Nguyễn Thị Thanh Hòa	25/9/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 56	68.0		68.0	
15	Nguyễn Thị Hòa	03/6/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 57	58.0		58.0	
16	Đinh Thị Thanh Hòa	03/08/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 58	80.0		80.0	
17	Đinh Thị Hòa	20/02/1984	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 59	54.0		54.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đổi tương ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+1)	Dự kiến trúng tuyển
18	Võ Thị Khánh	28/04/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 60	61.0		61.0	
19	Trần Thị	18/01/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 61	84.0		84.0	
20	Lê Ngọc	13/6/1990	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 62	98.0		98.0	X
21	Trần Thị	30/10/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 63	57.0		57.0	
	<i>Phòng phòng vấn 10</i>											
1	Lê Thị Thanh	20/7/1983	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con TB	THGV 64	Bỏ thi			
2	Đoàn Thị	26/3/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 65	Bỏ thi			
3	Nguyễn Thị	15/02/1990	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 66	70.0		70.0	
4	Lê Thị	13/10/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 67	75.0		75.0	
5	Lê Thị	15/5/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 68	65.0		65.0	
6	Nguyễn Thị Thu	02/9/1991	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 69	70.0		70.0	
7	Nguyễn Thị	15/9/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 70	95.0		95.0	X
8	Nguyễn Văn	10/10/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 71	60.0		60.0	
9	Nguyễn Thị	10/10/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 72	60.0		60.0	
10	Hoàng Thị Diệu	20/02/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 73	97.0		97.0	X
11	Lê Thị	04/11/1993	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 74	65.0		65.0	
12	Nguyễn Thị Thanh	20/10/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con BB	THGV 75	60.0	5.0	65.0	
13	Nguyễn Thị	29/4/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 76	55.0		55.0	
14	Nguyễn Thị Lan	20/4/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 77	70.0		70.0	
15	Nguyễn Thị Lan	02/9/1995	CB	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 78	65.0		65.0	
16	Phạm Thị Thu	10/10/1995	CB	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 79	60.0		60.0	
17	Phan Thị Thanh	30/8/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 80	95.0		95.0	X
18	Nguyễn Thị	19/8/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 81	98.0		98.0	X
19	Phan Thị Thu	29/9/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 82	65.0		65.0	
20	Hoàng Thị Ngọc	30/7/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 83	60.0		60.0	
21	Nguyễn Thị Thu	04/10/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 84	70.0		70.0	
	<i>Phòng phòng vấn 11</i>											
1	Trần Thị Ngọc	16/2/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 85	75.0		75.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CMM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đổi tương ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Huyền	10/10/1995	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 86	92.0		92.0	X
3	Hoàng Thị Huyền	05/6/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 87	95.0		95.0	X
4	Đinh Thị Lê Huyền	28/07/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 88	55.0		55.0	
5	Phạm Thị Thu Huyền	30/11/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 89	10.0		10.0	
6	Phan Thị Thanh Huyền	04/01/1991	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 90	50.0		50.0	
7	Cao Thị Ngọc Huyền	20/6/1996	CD	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 91	20.0		20.0	
8	Cao Thị Lại	24/05/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 92	75.0		75.0	
9	Phạm Thị Lan	6/2/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 93	92.0		92.0	
10	Nguyễn Hồng Lan	20/01/1993	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 94	75.0		75.0	
11	Nguyễn Thị Lan	28/8/1996	CD	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 95	50.0		50.0	
12	Nguyễn Thị Hồng Lê	03/6/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 96	50.0		50.0	
13	Nguyễn Thị Mỹ Lê	1/9/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 97	75.0		75.0	
14	Trần Thị Lê	28/6/1993	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 98	93.0		93.0	X
15	Trần Trà Liên	20/10/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con TB	THGV 99	98.0	5.0	103.0	X
16	Nguyễn Thị Bích Liên	06/5/1988	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 100	45.0		45.0	
17	Hoàng Thị Liên	08/01/1996	CD	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con BB	THGV 101	40.0	5.0	45.0	
18	Nguyễn Thị Thu Liễu	13/10/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 102	92.0		92.0	X
19	Hoàng Thị Liễu	15/10/1989	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 103	45.0		45.0	
20	Phan Thị Thủy Linh	06/9/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 104	70.0		70.0	
21	Trần Chi Linh	11/1/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 105	91.0		91.0	
	<i>Phân nhóm văn 12</i>											
1	Trần Thị Diệu Linh	12/6/1995	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 106	80.0		80.0	
2	Nguyễn Thảo Linh	08/10/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 107	91.0		91.0	
3	Nguyễn Thị Anh Linh	30/5/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 108	91.75		91.75	
4	Phan Thị Mỹ Linh	09/7/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 109	90.0		90.0	
5	Cao Lê Thủy Linh	03/6/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 110	74.0		74.0	
6	Từ Thị Mỹ Linh	05/01/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 111	80.0		80.0	
7	Cao Thị Thủy Linh	23/7/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 112	75.0		75.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CMI	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đang ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đổi tương ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
8	Trần Nữ Cẩm	23/12/1997	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 113	71.0		71.0	
9	Nguyễn Thùy	09/08/1997	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 114	88.5		88.5	
10	Đình Hoàng	01/01/1997	CD	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 115	Bỏ thí			
11	Phan Thị Mỹ	19/5/1997	CD	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con TB	THGV 116	72.0		72.0	X
12	Trần Thị Hoàng	26/3/1996	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 117	88.0	5.0	93.0	X
13	Trần Thị	20/02/1997	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 118	92.0		92.0	X
14	Dương Thị Quỳnh	12/9/1994	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 119	77.5		77.5	
15	Nguyễn Thị Mỹ	30/10/1989	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 120	82.5		82.5	
16	Võ Thị Ngọc	06/01/1995	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 121	88.0		88.0	
17	Nguyễn Thị	10/05/1996	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 122	75.0		75.0	
18	Nguyễn Thị Thảo	15/09/1995	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 123	Bỏ thí			
19	Lê Thị	10/09/1994	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 124	75.5		75.5	
20	Phan Thị Hồng	16/12/1994	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 125	79.5		79.5	
21	Lưu Thị Thùy	10/06/1986	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 126	73.5		73.5	
	<i>Phòng phỏng vấn 13</i>											
1	Hồ Thị Trà	18/11/1996	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 127	91.5		91.5	
2	Nguyễn Thị	06/01/1987	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 128	93.0		93.0	X
3	Lê Thị	20/06/1991	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 129	60.0		60.0	
4	Đình Hải	26/9/1996	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 130	54.0		54.0	
5	Đình Thị Thủy	09/01/1997	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 131	80.0		80.0	
6	Nguyễn Thị Thanh	09/12/1997	CD	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 132	65.0		65.0	
7	Phan Thị	30/3/1996	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 133	65.0		65.0	
8	Nguyễn Hằng	03/3/1990	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 134	70.0		70.0	
9	Phạm Thị Bích	12/6/1993	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 135	70.0		70.0	
10	Trần Thị Thảo	02/8/1995	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 136	75.0		75.0	
11	Phan Quang	16/03/1996	BH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 137	90.0		90.0	
12	Hoàng Thị	05/12/1996	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 138	93.0		93.0	X
13	Đình Thị Thu	08/08/1997	BH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con BB	THGV 139	Bỏ thí			

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CMI	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
14	Trần Thị Hiền	02/6/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 140	Bỏ thí			
15	Lê Thị Thảo	04/01/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 141	85.0		85.0	
16	Đông Thị Tuyết	29/7/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 142	Bỏ thí			
17	Trịnh Thị	6/4/1995	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 143	Bỏ thí			
18	Trương Thị Hồng	25/02/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 144	70.0		70.0	
19	Nguyễn Thị	23/10/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 145	94.0		94.0	X
20	Cao Thị Thùy	28/3/1993	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 146	93.0		93.0	X
21	Võ Thị Hồng	29/4/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 147	75.0		75.0	
	<i>Phòng phòng văn 14</i>											
1	Lê Thị Hồng	03/01/1986	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 148	88		88.0	
2	Đinh Thị Kim	20/10/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con TB	THGV 149	50	5.0	55.0	
3	Trần Thị Kiều	06/06/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 150	Bỏ thí			
4	Trần Thị Lam	03/7/1997	CD	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 151	81		81.0	
5	Hoàng Thị	09/7/1982	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 152	80		80.0	
6	Lê Thị Minh	3/3/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 153	60		60.0	
7	Trần Mai	13/3/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 154	80		80.0	
8	Hoàng Thị	10/10/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 155	98		98.0	X
9	Đinh Thị	29/11/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 156	Bỏ thí			
10	Nguyễn Thị Thanh	12/11/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 157	70		70.0	
11	Lam Nhật	17/8/1997	CD	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 158	60		60.0	
12	Nguyễn Thị	10/02/1993	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 159	99		99.0	X
13	Nguyễn Thị	10/6/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 160	98		98.0	X
14	Lê Thị	27/04/1995	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 161	Bỏ thí			
15	Ngô Thị Thu	26/8/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 162	60		60.0	
16	Đinh Thế	25/01/1995	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 163	50		50.0	
17	Nguyễn Nữ Như	02/7/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 164	99		99.0	X
18	Trương Thị Phương	14/11/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 165	Bỏ thí			
19	Lê Nhật	26/8/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 166	55		55.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CMV	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
20	Đinh Thị Mỹ	20/11/1993	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 167	Bỏ thi			
21	Nguyễn Hùng	10/10/1990	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 168	80		80.0	
<i>Phòng phòng văn 15</i>												
1	Nguyễn Thị Thu	14/02/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 169	55.0		55.0	
2	Nguyễn Văn	16/4/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 170	30.0		30.0	
3	Nguyễn Thị	18/8/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 171	71.0		71.0	
4	Hà Thị Thanh	10/8/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 172	Bỏ thi			
5	Lê Thị	22/12/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 173	75.0		75.0	
6	Cao Thị	15/11/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 174	72.0		72.0	
7	Nguyễn Văn	03/11/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 175	70.0		70.0	
8	Đinh Phương	20/11/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 176	95.0		95.0	X
9	Phan Thị Thu	23/9/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 177	76.0		76.0	
10	Đinh Thị	05/9/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 178	Bỏ thi			
11	Trần Phương	05/09/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 179	70.0		70.0	
12	Dương Thị	20/5/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 180	65.0		65.0	
13	Lê Đức	10/9/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con BB	THGV 181	98.0	5.0	103.0	X
14	Đinh Thị Hoa	15/04/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 182	67.0		67.0	
15	Hoàng Thị	29/08/1996	CD	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 183	Bỏ thi			
16	Hoàng Thị	18/4/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 184	66.0		66.0	
17	Đinh Thị Hoài	24/5/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 185	68.0		68.0	
18	Trần Thị	06/3/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 186	75.0		75.0	
19	Hồ Thị	16/6/1991	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 187	67.0		67.0	
20	Trần Thị Hoài	21/5/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 188	66.0		66.0	
21	Nguyễn Thị Hoài	15/02/1994	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 189	Bỏ thi			
<i>Phòng phòng văn 16</i>												
1	Ngô Thị Ngọc	10/5/1992	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 190	91.5		91.5	
2	Dương Thị	10/3/1988	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 191	70.0		70.0	
3	Hoàng Thị Lê	04/8/1998	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 192	Bỏ thi			

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đổi tương ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
4	Phạm Thị Thùy	10/10/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 193	72.5		72.5	
5	Hà Thị Hồng	26/3/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 194	70.0		70.0	
6	Đinh Thị Lê	24/10/1993	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 195	85.0		85.0	
7	Cao Thị Thùy	16/4/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con TB	THGV 196	73.0	5.0	78.0	
8	Đinh Thị Thanh	01/8/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 197	75.0		75.0	
9	Bùi Thị Trà	26/3/1991	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 198	97.5		97.5	X
10	Ngô Thị Huyền	14/9/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 199	70.0		70.0	
11	Ngô Thùy Trang	16/10/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 200	Bỏ thí			
12	Phùng Thị Huyền	02/9/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 201	92.0		92.0	X
13	Nguyễn Thị Trang	19/9/1996	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 202	75.0		75.0	
14	Đào Thị Hồng	04/6/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 203	Bỏ thí			
15	Nguyễn Thị Thu Trang	10/5/1985	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 204	72.5		72.5	
16	Trần Thị Thu Trang	10/10/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 205	92.0		92.0	X
17	Nguyễn Thị Thủy Trang	27/8/1997	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 206	70.5		70.5	
18	Lê Thị Quỳnh Trang	29/01/1997	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 207	65.0		65.0	
19	Lưu Thị Huyền Trang	26/02/1989	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 208	97.0		97.0	X
20	Trịnh Thị Tuyết Trinh	04/11/1994	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2	Con NNCBDC	THGV 209	70.0	5.0	75.0	
21	Hoàng Thị Thanh Tú	19/09/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 210	70.0		70.0	
	<i>Phòng phăng vấn 17</i>											
1	Trương Văn Tuấn	20/6/1993	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 211	61.0		61.0	
2	Nguyễn Anh Tuấn	10/08/1981	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 212	92.0		92.0	X
3	Nguyễn Thị Vân	10/4/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 213	96.0		96.0	X
4	Đinh Thị Hồng Vân	15/11/1992	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 214	Bỏ thí			
5	Phan Thị Hải Yến	19/5/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 215	71.0		71.0	
6	Nguyễn Thị Hải Yến	29/3/1995	DH	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 216	76.0		76.0	
7	Đinh Thị Hải Yến	04/5/1996	DH	Giáo dục tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 217	74.0		74.0	
8	Phạm Thị Hải Yến	26/12/1996	CB	Giáo dục Tiểu học	GV Tiểu học 9 môn	TH2		THGV 218	Bỏ thí			
9	Trần Thị Huyền	07/06/1990	BH	GD Thể chất QP	GV TH Thể dục	TD2		THTD 01	74.0		74.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đang ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đội tuyển ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
10	Dương Ngọc Tân	03/8/1989	DH	SP Thẻ chức-GDQP	GV TH Thẻ dực	TD2		THTD 02	94.0		94.0	X
11	Nguyễn Thị Xuyên	28/9/1983	DH	SP Thẻ dực Thẻ thao	GV TH Thẻ dực	TD2		THTD 03	93.0		93.0	X
12	Cao Thị Nga	22/6/1983	DH	SP Tiếng anh	GV Tiếng anh	TA2		THTA 01	94.0		94.0	X
13	Lê Thị Ý Nghi	17/9/1995	CD	SP Tiếng anh	Giáo viên Tiếng anh	TA2		THTA 02	93.0		93.0	X
14	Nguyễn Thị Kim Oanh	16/11/1993	DH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiếng anh	TA2		THTA 03	94.0		94.0	X
15	Đường Thị Phương Thủy	30/5/1987	DH	SP Tiếng anh	Giáo viên Tiếng anh	TA2		THTA 04	95.5		95.5	X
16	Võ Thị Liễu	20/02/1986	DH	Giáo dực (liều học (CC Đoàn đội) SP Am nhạc - Công tác đội	GV TH Đoàn đội	DB2		THBD 01	96.0		96.0	X
17	Nguyễn Thị Thanh Nhân	20/8/1996	CD		GV TH Đoàn đội	DB2		THBD 02	Bỏ thi			
	<i>Phòng phòng văn 18</i>											
1	Nguyễn Thị Minh An	9/11/1995	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 01	Bỏ thi			
2	Phạm Công Anh	23/8/1997	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 02	55.0		55.0	
3	Nguyễn Thị Hồng Diệp	02/6/1993	DH	SP hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 03	71.0		71.0	
4	Trình Thị Diệu	28/8/1997	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 04	63.0		63.0	
5	Nguyễn Thị Lê Giang	07/10/1992	DH	Hóa học (CCSP)	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 05	75.0		75.0	
6	Lê Thị Hương Giang	04/11/1997	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 06	Bỏ thi			
7	Hồ Thị Thu Hà	14/5/1993	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3	Con TB	THCSH 07	93.0	5.0	98.0	X
8	Nguyễn Thị Thu Hà	12/07/1995	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 08	61.0		61.0	
9	Nguyễn Thị Hằng	16/3/1995	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 09	38.0		38.0	
10	Nguyễn Thị Thủy Hằng	10/01/1996	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 10	95.0		95.0	X
11	Phạm Trung Hiếu	10/3/1986	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 11	90.0		90.0	
12	Lê Thị Hân	20/06/1992	THS, DH	THS SP Hóa, DH Sư phạm Hóa	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 12	45.0		45.0	
13	Nguyễn Thị Hồng	01/8/1996	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 13	62.0		62.0	
14	Nguyễn Thị Lan Hương	06/01/1992	DH	SP hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 14	45.0		45.0	
15	Đoàn Thị Thanh Hương	13/7/1996	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 15	61.0		61.0	
16	Từ Thị Mỹ Hương	16/7/1994	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 16	61.0		61.0	
17	Dương Thị Hương Kiều	03/5/1995	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 17	50.0		50.0	
18	Nguyễn Thị Linh	19/11/1990	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 18	51.0		51.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đang ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đội tuyển ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
19	Võ Thị Loan	01/3/1995	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 19	38.0		38.0	
20	Trần Thị Ánh Ngọc	13/8/1996	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 20	48.0		48.0	
	<i>Phòng phòng văn 19</i>											
1	Lê Thị Lan Nhung	2/8/1995	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 21	80.0		80.0	
2	Mai Thị Mì Ni	10/2/1996	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 22	60.0		60.0	
3	Bùi Thị Kiều Oanh	10/6/1992	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 23	80.0		80.0	
4	Đặng Thị Thanh Phương	01/01/1997	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 24	92.0		92.0	X
5	Phạm Thị Như Quỳnh	24/7/1995	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 25	60.0		60.0	
6	Đinh Văn Tài	23/4/1993	GD	SP Hóa - KTNV	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 26	Bỏ thí			
7	Lê Thanh Tâm	03/11/1996	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 27	35.0		35.0	
8	Nguyễn Thị Thu	04/8/1996	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 28	95.0		95.0	X
9	Hồng Thị Đinh Thư	12/05/1993	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 29	50.0		50.0	
10	Hồng Thị Hoài Thương	07/01/1994	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 30	65.0		65.0	
11	Dương Thị Thùy Thùy	01/01/1995	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 31	60.0		60.0	
12	Đinh Thị Lê Thùy	22/10/1997	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 32	74.0		74.0	
13	Phan Thị Trang	12/5/1994	DH	SP hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 33	65.0		65.0	
14	Phan Thị Minh Trang	20/02/1994	DH	SP hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 34	50.0		50.0	
15	Nguyễn Thị Trang	16/02/1994	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 35	92.0		92.0	X
16	Đặng Thị Trang	20/10/1995	DH	SP Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3	Con TB	THCSH 36	65.0	5.0	70.0	
17	Nguyễn Thị Hoa Trang	25/05/1995	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 37	88.0		88.0	
18	Mai Thị Từ	21/07/1995	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 38	68.0		68.0	
19	Nguyễn Nữ Tố Uyên	04/10/1997	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 39	Bỏ thí			
20	Trần Xuân Vĩnh	04/04/1995	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 40	87.0		87.0	
21	Bùi Thị Xuân	10/11/1995	DH	Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa	HO3		THCSH 41	Bỏ thí			
	<i>Phòng phòng văn 20</i>											
1	Nguyễn Thị Thanh Bình	17/04/1997	DH	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 42	50.0		50.0	
2	Nguyễn Thành Công	09/11/1996	DH	SP Vật Lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 43	65.0		65.0	
3	Dương Thị Duyên	21/5/1987	DH	SP Vật lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 44	75.0		75.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Điểm tương đương ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+1)	Dự kiến trúng tuyển
4	Phan Thị Hồng Duyên	22/2/1996	DH	SP Vật lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 45	65.0		65.0	
5	Phạm Thị Quỳnh Giang	04/4/1995	DH	SP Vật Lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 46	75.0		75.0	
6	Lưu Thị Trà Giang	14/06/1997	DH	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 47	35.0		35.0	
7	Trần Thị Hằng	02/5/1996	DH	SP Vật Lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 48	45.0		45.0	
8	Nguyễn Thị Huệ	16/7/1997	DH	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 49	50.0		50.0	
9	Phan Thị Thủy Hương	01/3/1997	DH	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 50	40.0		40.0	
10	Lê Thị Thủy Linh	03/12/1996	DH	SP Vật Lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 51	65.0		65.0	
11	Phan Văn Lộc	07/8/1997	DH	SP Vật Lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 52	75.0		75.0	
12	Nguyễn Thị Lê Phương	29/3/1996	DH	SP Vật Lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 53	75.0		75.0	
13	Nguyễn Thị Lê Phương	29/3/1996	DH	SP Vật Lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 54	75.0		75.0	
14	Phan Thị Phương	07/1/1994	DH	SP Vật Lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 55	90.0		90.0	X
15	Nguyễn Thị Anh Tú	06/01/1997	DH	Sư phạm Vật lý	Giáo viên Lý	LY3		THCSL 56	40.0		40.0	
	<i>Phần phỏng vấn 21</i>											
1	Đinh Thị Ngọc Bé	18/06/1996	DH	Sư phạm Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 57	26.0		26.0	
2	Hương Thị Hồng Gấm	15/10/1991	DH	SP Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 58	46.0		46.0	
3	Nguyễn Thị Thanh Hà	16/6/1996	DH	SP Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 59	35.0		35.0	
4	Cao Thị Thanh Hiền	26/8/1997	DH	SP Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 60	10.0		10.0	
5	Nguyễn Thị Bạch Mai	14/7/1997	DH	SP Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 61	Bỏ thi			
6	Trần Thị Uyên Nhi	5/6/1995	CD	Sư phạm Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 62	Bỏ thi			
7	Bùi Anh Phong	08/05/1996	DH	Sư phạm Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 63	Bỏ thi			
8	Mai Thị Thanh Phương	15/12/1983	ThS, DH	ThS Sinh học, DH Sinh học (CCSP)	Giáo viên Sinh học	S13	Con TB	THCSSH 64	65.0	5.0	70.0	X
9	Từ Thị Phương Thảo	26/8/1993	DH	SP Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 65	35.0		35.0	
10	Nguyễn Thị Phương Thảo	24/7/1996	DH	SP Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 66	20.0		20.0	
11	Nguyễn Thị Hoài Thuong	01/5/1995	DH	SP Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 67	30.0		30.0	
12	Hồ Cẩm Thúy	21/8/1995	DH	SP Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 68	Bỏ thi			
13	Đinh Thị Trang	30/4/1996	DH	SP Sinh học	Giáo viên Sinh học	S13		THCSSH 69	40.0		40.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CMM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đang ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đội tuyển ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
14	Hoàng Nhật Tú	08/06/1997	DH	Sư phạm Sinh học	Giáo viên Sinh học	SI3		THCSSH 70	37.5		37.5	
15	Trần Thị Tuyết	10/04/1997	DH	Sư phạm Sinh học	Giáo viên Sinh học	SI3		THCSSH 71	37.5		37.5	
16	Trần Thị Thủy Vân	12/8/1995	DH	SP Sinh học	Giáo viên Sinh học	SI3		THCSSH 72	25.0		25.0	
17	Đinh Thị Thuần	03/01/1988	DH	SP Sinh - KTN	Giáo viên Sinh - KTN	SK3	Con TB	THCSSK 73	65.0	5.0	70.0	X
<i>Phòng phỏng vấn 22</i>												
1	Phan Thị Hồng Dung	01/8/1987	DH	Tiếng Anh (CCSP)	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 74	50.0		50.0	
2	Nguyễn Thị Thủy Hằng	27/8/1992	DH	Ngôn ngữ Tiếng Anh (CCSP)	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 75	64.0		64.0	
3	Lê Thị Huệ	07/10/1989	THS, DH	THS Ngôn ngữ Anh, DH N. ngữ Anh (CCSP)	Giáo viên Tiếng anh	TA3	Con TB	THCSTA 76	41.0	5.0	46.0	
4	Trần Thị Thu Huyền	26/3/1991	DH	Tiếng Anh (CCSP)	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 77	56.0		56.0	
5	Dương Thị Thủy Liên	20/02/1990	DH	Ngôn ngữ Tiếng Anh (CCSP)	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 78	30.0		30.0	
6	Mai Thị Linh	01/6/1991	DH	Tiếng Anh (CCSP)	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 79	60.0		60.0	
7	Nguyễn Thị Thanh Nga	22/04/1989	DH	Tiếng Anh chương mại	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 80	62.5		62.5	
8	Nguyễn Thị Thủy Ngân	14/9/1983	DH	SP Tiếng anh	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 81	95.0		95.0	X
9	Hoàng Thị Kim Ngân	21/10/1990	DH	Ngôn ngữ Tiếng Anh (CCSP)	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 82	95.0		95.0	X
10	Bùi Thị Nhật	13/02/1992	DH	Tiếng Anh (CCSP)	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 83	65.0		65.0	
11	Bùi Thị Hồng Nhung	15/05/1996	DH	Ngôn ngữ Tiếng Anh (CCSP)	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 84	35.0		35.0	
12	Già Thị Thuần	04/08/1989	DH	Sư phạm Anh	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 85		Bỏ thi		
13	Lưu Thị Vân	01/12/1987	DH	Tiếng Anh (CCSP)	Giáo viên Tiếng anh	TA3		THCSTA 86	65.0		65.0	
<i>Phòng phỏng vấn 23</i>												
1	Lê Phương Anh	12/5/1996	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 87		Bỏ thi		
2	Nguyễn Thị Bé	20/8/1994	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 88	62.0		62.0	
3	Lê Thị Thủy Diễm	12/10/1993	THS, DH	THS Đại số và LT số, DH SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 89	46.0		46.0	
4	Lê Như Thủy Dung	04/11/1995	THS, DH	THS LL và PP dạy Toán, DH SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 90	45.0		45.0	
5	Nguyễn Thị Thủy Dung	02/04/1996	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 91	63.0		63.0	
6	Lê Đức Anh Dũng	22/6/1997	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 92	92.0		92.0	X
7	Phạm Thị Hồng Duyên	13/9/1996	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 93	81.0		81.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đổi tương lưu tiền	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
8	Đình Văn Hải	02/3/1995	DH	SP Toán	Giáo viên Toán	TO3		THCST 94	62.0		62.0	
9	Lê Thị Hồng Hạnh	22/8/1997	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 95	86.0		86.0	
10	Ngô Hồng Hạnh	20/09/1995	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 96	Bỏ thi			
11	Lê Thanh Hiền	15/5/1996	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 97	76.0		76.0	
12	Nguyễn Trung Hiếu	03/7/1993	DH	SP Toán	Giáo viên Toán	TO3		THCST 98	92.0		92.0	X
13	Hồ Thị Hoa Hồng	12/5/1992	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 99	86.0		86.0	
14	Ngô Thị Thanh Hương	8/8/1997	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 100	Bỏ thi			
15	Nguyễn Thị Hương	22/9/1996	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 101	75.0		75.0	
16	Võ Thị Thanh Huyền	15/10/1992	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 102	63.0		63.0	
17	Hà Thị Hồng Kỳ	02/10/1997	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 103	84.0		84.0	
18	Nguyễn Bích Liên	28/7/1992	DH	SP Toán	Giáo viên Toán	TO3		THCST 104	53.0		53.0	
19	Nguyễn Thị Liễu	26/6/1992	THS, DH	THS Toán giải tích, DH SP Toán	Giáo viên Toán	TO3		THCST 105	96.0		96.0	X
20	Nguyễn Thị Thủy Liễu	26/8/1993	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3	Con TB	THCST 106	80.0	5.0	85.0	
21	Trần Thị Thủy Linh	22/4/1997	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 107	89.0		89.0	
22	Nguyễn Thị Nhật Linh	24/3/1997	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 108	Bỏ thi			
<i>Phòng phỏng vấn 24</i>												
1	Võ Khánh Linh	10/10/1997	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 109	43.0		43.0	
2	Dương Thị Ngọc Mai	19/5/1995	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 110	92.0		92.0	X
3	Nguyễn Nhật Minh	14/10/1994	DH	SP Toán	Giáo viên Toán	TO3		THCST 111	60.0		60.0	
4	Hoàng Thị Na	02/6/1996	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 112	Bỏ thi			
5	Đình Thị Ngọc	30/5/1990	THS, DH	THS LL và PP dạy Toán, DH SP Toán	Giáo viên Toán	TO3	Người DTTs	THCST 113	Bỏ thi			
6	Lê Thị Thanh Nhân	02/05/1997	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 114	57.0		57.0	
7	Hoàng Việt Nhật	21/07/1996	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 115	60.0		60.0	
8	Nguyễn Thị Tố Oanh	03/07/1995	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 116	54.0		54.0	
9	Nguyễn Thị Như Quỳnh	13/02/1992	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 117	26.0		26.0	
10	Phạm Thị Mai Sim	27/8/1992	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 118	35.0		35.0	
11	Hoàng Thị Hồng Thắm	13/10/1996	DH	SP Toán	Giáo viên Toán	TO3		THCST 119	53.0		53.0	
12	Tạ Minh Thanh	16/10/1989	THS, DH	THS Đại số và LT số, DH SP Toán - Lý	Giáo viên Toán	TO3		THCST 120	46.0		46.0	
13	Nguyễn Tài Thành	06/1/1985	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3	HT NV QS	THCST 121	Bỏ thi			

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đội tuyển ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+1)	Dự kiến trúng tuyển
14	Trần Thị Thảo	04/11/1996	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 122	52.0		52.0	
15	Nguyễn Thị Hoài Thu	05/6/1990	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 123	95.0		95.0	X
16	Nguyễn Thị Hoài Thu	16/8/1996	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 124	57.0		57.0	
17	Nguyễn Thị Thùy	03/9/1992	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 125	60.0		60.0	
18	Hồ Thùy Tiên	25/3/1994	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 126	89.0		89.0	
19	Nguyễn Thùy Trang	08/11/1997	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 127	32.0		32.0	
20	Ngô Thu Trang	20/7/1997	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 128	51.0		51.0	
21	Vương Thị Cẩm Trà	27/10/1993	DH	SP Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 129	15.0		15.0	
22	Phạm Xuân Tuấn	19/5/1992	THS, DH	THS Đại số và LT số, DH SP Toán	Giáo viên Toán	TO3		THCST 130	38.0		38.0	
23	Hoàng Thị Hồng Vân	02/07/1997	DH	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	TO3		THCST 131	58.0		58.0	
<i>Phòng phỏng vấn 25</i>												
1	Phạm Minh Hải	08/7/1988	DH	SP Toán - Lý	Giáo viên Toán - Lý	TL3		THCSTL 132	92.0		92.0	X
2	Phan Thị Hằng	01/6/1989	DH	SP Toán - Lý	Giáo viên Toán - Lý	TL3		THCSTL 133	68.0		68.0	X
3	Trần Thị Ngân	10/7/1991	DH	SP Toán - Lý	Giáo viên Toán - Lý	TL3		THCSTL 134	93.0		93.0	X
4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/3/1990	DH, CD	DH SP Toán, CD SP Toán - Lý	Giáo viên Toán - Lý	TL3		THCSTL 135	92.0		92.0	
5	Nguyễn Thị Quang Phương	01/3/1990	DH	SP Toán - Lý	Giáo viên Toán - Lý	TL3		THCSTL 136	61.0		61.0	
6	Nguyễn Thị Ngọcce Thủy	10/11/1990	DH, CD	DH SP Toán, CD SP Toán - Lý	Giáo viên Toán - Lý	TL3		THCSTL 137	71.0		71.0	
7	Trần Thị Yến	01/05/1991	DH	Sư phạm Toán - Lý	Giáo viên Toán - Lý	TL3	Con TB	THCSTL 138	Bò thi			
8	Vô Thị Diệu	30/9/1992	DH	DH Tin, DH SP Toán	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCSTT 139	98.0		98.0	X
9	Lê Công Hào	28/12/1994	DH, CD	DH SP Toán, CD SP Toán - Tin	Giáo viên Toán Tin	TT3	Con TB	THCSTT 140	67.0	5.0	72.0	
10	Nguyễn Thị Huyền	20/10/1996	CD	SP Toán - Tin	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCSTT 141	63.0		63.0	
11	Nguyễn Thị Thủy Lành	5/9/1995	DH, CD	DH SP Toán, CD SP Toán - Tin	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCSTT 142	93.0		93.0	X
12	Hoàng Thị Mỹ Lê	18/7/1991	DH	Toán học - Tin học (CCSP)	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCSTT 143	93.0		93.0	X
13	Trần Thị Thùy Linh	01/7/1995	CD	SP Toán - Tin	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCSTT 144	69.0		69.0	
14	Trần Thị Kiều Quanh	19/10/1987	DH	Toán học - Tin học (CCSP)	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCSTT 145	99.0		99.0	X
15	Nguyễn Mai Phương	21/2/1991	DH	Toán học - Tin học (CCSP)	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCSTT 146	90.0		90.0	X

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đổi tương ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
16	Phan Bảo	Phượng	28/12/1995	DH, CD DH SP Toán, CD SP Toán - Tin	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCS TT 147	69.0		69.0	
17	Hồng Phương	Thanh	11/05/1989	DH, CD DH SP Toán, CD SP Toán - Tin	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCS TT 148	71.0		71.0	
18	Phan Thu	Thào	12/12/1995	DH, CD DH SP Toán, CD SP Toán - Tin	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCS TT 149	94.0		94.0	X
19	Phạm Thị	Thuần	22/3/1995	CD Su phạm Toán-Tin	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCS TT 150	70.0		70.0	
20	Phan Thị Nhật	Trang	10/02/1995	DH, CD DH SP Toán - Tin DH Toán học, CD SP Toán - Tin	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCS TT 151	93.0		93.0	
21	Trần Thị Ngọc	Trang	05/6/1990	CD CD SP Toán - Tin	Giáo viên Toán Tin	TT3		THCS TT 152	Bỏ thi		0.0	
<i>Phòng phỏng vấn 26</i>												
1	Trần Thị Mỹ	Lệ	10/10/1991	DH Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 153	97.0		97.0	X
2	Doãn Thị	An	22/3/1988	DH Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 154	78.0		78.0	
3	Từ Thị Văn	Anh	17/11/1997	DH SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 155	Bỏ thi			
4	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	12/10/1993	DH SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 156	60.0		60.0	
5	Hồng Thị	Dung	21/10/1995	DH Su phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 157	73.0		73.0	
6	Cao Tiên	Dũng	27/01/1993	DH Su phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3	Người DTTs	THCSV 158	Bỏ thi			
7	Hồng Thị Thu	Hà	17/03/1997	DH Su phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 159	73.0		73.0	
8	Dương Thị Diệu	Hải	18/3/1992	DH SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 160	Bỏ thi			
9	Lê Thị	Hằng	20/8/1995	DH Su phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 161	50.0		50.0	
10	Nguyễn Thị Lê	Hằng	27/02/1996	DH SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 162	48.0		48.0	
11	Nguyễn Thị Lê	Hằng	10/8/1992	DH SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 163	93.0		93.0	X
12	Võ Thị Hằng	Hạnh	10/11/1987	DH Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 164	82.0		82.0	
13	Dương Thị	Hạnh	18/8/1987	DH SP Văn - Sử	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 165	47.0		47.0	
14	Nguyễn Thị	Hiền	26/06/1992	DH Su phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 166	70.0		70.0	
15	Trần Thị Thu	Hiền	25/01/1990	DH Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 167	45.0		45.0	
16	Trần Thị	Hiền	22/3/1994	DH SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 168	Bỏ thi			
17	Nguyễn Thị	Hoa	28/8/1990	DH Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 169	Bỏ thi			
18	Nguyễn Thị	Hòa	05/10/1996	DH SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 170	0.0		0.0	
19	Trương Thị Khánh	Hoài	25/4/1990	THS, DH THS Văn học VN, DH Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 171	Bỏ thi			
20	Nguyễn Văn	Hoàng	10/06/1987	THS, DH THS Văn học VN, DH SP Ngữ Văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 172	47.0		47.0	
21	Nguyễn Thị	Huê	08/7/1992	DH SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 173	65.0		65.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đổi tương ưu tiên	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
22	Nguyễn Thị Bích Huệ	10/10/1997	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 174	0,0		0,0	
23	Nguyễn Thị Thùy Hương	20/5/1991	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 175	96,0		96,0	X
<i>Phòng phòng văn 27</i>												
1	Lê Thị Hương	10/10/1991	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 176	85,0		85,0	
2	Võ Thị Hương	15/01/1997	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 177	Bỏ thi			
3	Dương Thị Hương	11/10/1994	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 178	40,0		40,0	
4	Phạm Thị Hương	07/6/1991	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 179	75,0		75,0	
5	Dương Thị Lai	20/3/1992	THS, DH	THS Lý luận Văn học, DH SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 180	45,0		45,0	
6	Hoàng Thị Lan	26/4/1997	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 181	Bỏ thi			
7	Phan Thị Lê	20/6/1993	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 182	54,0		54,0	
8	Hoàng Thị Liên	28/6/1986	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 183	Bỏ thi			
9	Lê Thị Liễu	16/6/1989	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 184	60,0		60,0	
10	Nguyễn Nhật Linh	23/11/1993	THS, DH	THS Văn học VN, DH SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 185	93,0		93,0	X
11	Lê Thị Linh	26/02/1997	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 186	67,0		67,0	
12	Lê Thị Kiều Loan	15/01/1994	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 187	36,0		36,0	
13	Phan Thị Kiều Nga	23/04/1997	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 188	36,0		36,0	
14	Phan Thị Thanh Nga	17/04/1993	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 189	40,0		40,0	
15	Nguyễn Thị Bích Ngọc	05/4/1987	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3	Con NCBHH	THCSV 190	Bỏ thi			
16	Lê Thị Bích Ngọc	27/10/1997	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 191	61,0		61,0	
17	Nguyễn Thị Như Ngọc	07/01/1991	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 192	54,0		54,0	
18	Hoàng Thị Nguyệt	10/06/1996	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 193	Bỏ thi			
19	Trương Thị Nhung	29/12/1996	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 194	35,0		35,0	
20	Cao Thị Phương	11/8/1997	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 195	30,0		30,0	
21	Trần Thị Phương	23/10/1994	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 196	30,0		30,0	
22	Trần Thị Quỳnh	23/9/1994	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 197	35,0		35,0	
23	Hồ Thị Thắm	07/02/1994	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 198	Bỏ thi			
<i>Phòng phòng văn 28</i>												
1	Hồ Thị Thắm	24/8/1991	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 199	95,0		95,0	X
2	Phạm Thị Thuận	20/8/1992	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 200	64,0		64,0	
3	Hoàng Thị Kim Thuận	27/7/1995	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 201	57,0		57,0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đang ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
4	Châu Thị Thảo	26/5/1991	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 202	Bỏ thí			
5	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/4/1997	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 203	92.0		92.0	X
6	Lưu Thị Thiết	26/6/1996	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 204	Bỏ thí			
7	Nguyễn Thị Thln	25/9/1988	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3	Con TB	THCSV 205	57.0	5.0	62.0	
8	Lê Thị Thịnh	01/07/1996	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 206	63.0		63.0	
9	Hồ Thị Thu	18/4/1994	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3	Con BB	THCSV 207	Bỏ thí			
10	Dương Thị Mai Thu	4/10/1996	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 208	50.0		50.0	
11	Võ Thị Huyền Thuong	10/10/1984	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3	Con TB	THCSV 209	53.0	5.0	58.0	
12	Nguyễn Thị Lê Thúy	12/8/1992	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 210	67.0		67.0	
13	Trần Thị Lê Thúy	19/6/1997	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 211	62.0		62.0	
14	Hoàng Thị Thúy	05/9/1986	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3	Con NHCNSTB	THCSV 212	Bỏ thí			
15	Hồ Thị Liên Thúy	17/8/1988	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 213	50.0		50.0	
16	Võ Thị Kim Thùy	27/01/1991	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 214	67.0		67.0	
17	Nguyễn Thị Thúy	26/01/1989	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 215	53.0		53.0	
18	Phan Thị Trang	10/10/1989	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 216	92.0		92.0	X
19	Trần Thị Thảo Trang	15/01/1989	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 217	69.0		69.0	
20	Đoàn Thị Ánh Tuyết	16/12/1997	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 218	Bỏ thí			
21	Phan Tiến Vũ	16/4/1991	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 219	67.0		67.0	
22	Nguyễn Thị Thanh Xuân	28/04/1994	DH	Văn học (CCSP)	Giáo viên Văn	VA3	Con BB	THCSV 220	58.0	5.0	63.0	
23	Dương Thị Hải Yến	14/12/1997	DH	SP Ngữ văn	Giáo viên Văn	VA3		THCSV 221	51.0		51.0	
<i>Phòng phưng văn 29</i>												
1	Hoàng Thị Hà	02/09/1992	DH, CD	DH SP Ngữ văn, CD SP Văn - GDCCD	Giáo viên Văn - GDCCD	VG3		THCSVG 222	92.0		92.0	X
2	Trần Thị Ngọc	16/8/1992	DH, CD	DH SP Ngữ văn, CD SP Văn - GDCCD	Giáo viên Văn - GDCCD	VG3	Con NNCDHH	THCSVG 223	92.0	5.0	97.0	X
3	Đinh Thị Thúy	20/9/1992	BH, CD	SP Ngữ văn, SP Văn - GGCD	Giáo viên Văn - GDCCD	VG3	Con TB	THCSVG 224	Bỏ thí			
4	Nguyễn Thị Diệu Thúy	03/7/1991	DH, CD	DH SP Ngữ văn, CD SP Văn - GDCCD	Giáo viên Văn - GDCCD	VG3		THCSVG 225	95.0		95.0	X
5	Trần Thị Vinh	20/5/1992	CD	Sư phạm Văn-GDCCD	Giáo viên Văn - GDCCD	VG3		THCSVG 226	36.0		36.0	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ CM	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đứng ký dự tuyển	Mã số dự tuyển	Đội tương ưu tiên	Số báo danh	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (12=10+11)	Dự kiến trúng tuyển
6	Nguyễn Thị Yến	15/4/1991	CD	SP Văn - GD/CD	Giáo viên Văn - GD/CD	VG3		THCSVG 227	Bỏ thí			
7	Dương Thị Hồng Duyên	10/5/1990	DH	SP Văn - Sư	Giáo viên Văn - Sư	VSS3		THCSVS 228	92.0		92.0	X
8	Lê Thị Thu Hoài	28/10/1986	DH	SP Văn - Sư	Giáo viên Văn - Sư	VSS3		THCSVS 229	47.0		47.0	
9	Quách Giảng Hương	10/6/1995	DH, CD	SP Ngữ văn, SP Văn - Sư	Giáo viên Văn - Sư	VSS3		THCSVS 230	35.0		35.0	
10	Trần Thị Hồng Nụ	09/01/1996	CD	SP Văn - Sư	Giáo viên Văn - Sư	VSS3		THCSVS 231	92.0		92.0	X
11	Nguyễn Thị Mai Phương	10/04/1989	DH	Sư phạm Văn-Sư	Giáo viên Văn - Sư	VSS3		THCSVS 232	95.0		95.0	X
12	Phạm Thị Tâm	10/8/1990	DH	SP Văn - Sư	Giáo viên Văn - Sư	VSS3		THCSVS 233	Bỏ thí			
13	Lê Thị Thảo	16/6/1991	DH	SP Văn - Sư	Giáo viên Văn - Sư	VSS3		THCSVS 234	92.0		92.0	X
14	Nguyễn Thị Thuận Thuong	05/01/1988	DH	Sư phạm Văn-Sư	Giáo viên Văn - Sư	VSS3		THCSVS 235	95.0		95.0	X
15	Phạm Huyền Trang	06/4/1989	DH	SP Văn - Sư	Giáo viên Văn - Sư	VSS3		THCSVS 236	43.0		43.0	

Danh sách này có 582 người

Bó Trách nhiệm 21 tháng 11 năm 2019



Trần Quang Vũ